**BÀI TẬP CHƯƠNG 2**

***Câu 1***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 2U | Thời gian | 1 |
| CĐR: 2.1.1.3 | | | |
| Phát biểu nào sau đây đúng về giao thức HTTP?  A. Phiên bản của giao thức luôn được đặt trong tất cả thông điệp, tất cả các tiêu đề đều dưới dạng text  B. Tất cả các tiêu đề đều dưới dạng text,tất cả dữ liệu đều truyền dưới dạng văn bản (text)  C. Tất cả dữ liệu đều truyền dưới dạng văn bản (text)  D. Phiên bản của giao thức luôn được đặt trong tất cả thông điệp, tất cả dữ liệu đều truyền dưới dạng văn bản (text) | | | |

Đáp án: D

***Câu 2***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 2R | Thời gian | 1 |
| CĐR: 2.1.1.2 | | | |
| Mã 404 trong thông điệp trả lời từ Web server về trình duyệt có ý nghĩa là gì?  A. Server không hiểu yêu cầu của client  B. Đối tượng client yêu cầu không có  C. Không tìm thấy Server  D. Yêu cầu của Client không hợp lệ | | | |

Đáp án: B

***Câu 3***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 2A | Thời gian | 1 |
| CĐR: 2.1.4.2 | | | |
| Hãy chọn phát biểu SAI:  A. HTTP 1.0 sử dụng HTTP không bền vững, HTTP 1.1 sử dụng HTTP bền vững  B. HTTP là giao thức phi trạng thái (stateless)  C. HTTP 1.0 sử dụng HTTP bền vững, HTTP 1.1 sử dụng HTTP không bền vững  D. HTTP 1.0 sử dụng HTTP không bền vững, HTTP 1.1 sử dụng HTTP bền vững, HTTP là giao thức phi trạng thái (stateless) | | | |

Đáp án: C

***Câu 4***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 2A | Thời gian | 1 |
| CĐR: 2.1.1.2 | | | |
| Thời gian đáp ứng khi một trình duyệt yêu cầu một đối tượng trên Web server nếu HTTP không bền vững là bao nhiêu?  A. RTT+ thời gian truyền tập tin  B. 2RTT+ thời gian truyền tập tin  C. 3RTT+ thời gian truyền tập tin  D. n.RTT+ thời gian truyền tập tin | | | |

Đáp án: B

***Câu 5***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 2U | Thời gian | 1 |
| CĐR: 3.1.2.3 | | | |
| Để giảm lưu lượng trên đường liên kết truy cập ra Internet của một tổ chức, người ta thường dùng:  A. Proxy  B. Cookies  C. Web caching  D. Load Balancing | | | |

Đáp án: C

***Câu 6***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 1An | Thời gian | 1 |
| CĐR: 2.2.4.1 | | | |
| Cho một thông điệp HTTP GET như sau:  **GET /cs453/index.html HTTP/1.1<cr><lf>Host: gaia.cs.umass.edu<cr><lf>User-Agent: Mozilla/5.0 (Windows;U; Windows NT 5.1; en-US; rv:1.7.2) Gecko/20040804 Netscape/7.2 (ax) <cr><lf>Accept:ext/xml, application/xml, application/xhtml+xml, text/html;q=0.9,text/plain;q=0.8,image/png,\*/\*;q=0.5<cr><lf>Accept-Language: en-us,en;q=0.5<cr><lf>Accept-Encoding: zip,deflate<cr><lf>Accept-Charset: ISO-8859-1,utf-8;q=0.7,\*;q=0.7<cr><lf>Keep-Alive: 300<cr><lf>Connection:keep-alive<cr><lf><cr><lf>**  Hãy xác định URL được yêu cầu bởi trình duyệt.  A. http://gaia.cs.umass.edu  B. http://gaia.cs.umass.edu/cs453/index.html  C. http://gaia.cs.umass.edu/Gecko/20040804Netscape/7.2/cs453/index.html  D. http://gaia.cs.umass.edu/cs453/index.html/Gecko/20040804Netscape/7.2 | | | |

Đáp án: B

***Câu 7***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 1An | Thời gian | 1 |
| CĐR: 2.2.4.1 | | | |
| Cho một thông điệp HTTP GET như sau:  **GET /cs453/index.html HTTP/1.1<cr><lf>Host: gaia.cs.umass.edu<cr><lf>User-Agent: Mozilla/5.0 (Windows;U; Windows NT 5.1; en-US; rv:1.7.2) Gecko/20040804 Netscape/7.2 (ax) <cr><lf>Accept:ext/xml, application/xml, application/xhtml+xml, text/html;q=0.9,text/plain;q=0.8,image/png,\*/\*;q=0.5<cr><lf>Accept-Language: en-us,en;q=0.5<cr><lf>Accept-Encoding: zip,deflate<cr><lf>Accept-Charset: ISO-8859-1,utf-8;q=0.7,\*;q=0.7<cr><lf>Keep-Alive: 300<cr><lf>Connection:keep-alive<cr><lf><cr><lf>**  Trình duyệt đang sử dụng phiên bản HTTP nào?  A. 5.0  B. 1.1  C. 7.2  D. 1.0 | | | |

Đáp án: B

***Câu 9***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ | 3An | Thời gian | 2 |
| CĐR: 2.1.1.3 | | | |
| Giả sử trong trình duyệt web, bạn nhấn vào một link chứa một trang web. Bạn cần lấy một địa chỉ IP của trang web đó chưa có trong cache. Bạn phải đi qua n DNS sau đó mới có đựợc thông tin đó. Mỗi lần truy vấn một DNS phải mất RTT thời gian lần lựợt là RTT1, RTT2… RTTn. Trong trang web đó có một đối tựợng text. Bạn mất RTT0 để đi từ host tới server chứa đối tượng đó. Tính thời gian từ khi nhấn vào link đến khi nhận đựợc đối tựợng.  a. RTT0 + RTT1 + RTT2 + … + RTTn  b. 2\*(RTT0 + RTT1 + … + RTTn)  c. 2.RTT0 + RTT1 + … + RTTn  d. 2.RTT0 + RTT1 + … + 2.RTTn | | | |

Mô tả tính toán:

Mỗi lần truy vấn một DNS mất RTT thời gian lần lựợt là RTT1, RTT2… RTTn.

Truy vấn n DNS => RTT1 + RTT2 + … + RTTn

Mất RTT0 để đi từ host tới server chứa đối tượng đó.

=> Gửi đối tượng từ server tới host cũng mất RTT0.

Đáp án: C

***Câu 10***

|  |
| --- |
| **Cho đoạn mã HTML sau:**  **HTTP/1.1 200 OK<cr><lf>Date: Tue, 22 June 2015 12:39:45GMT..Server: Apache/2.0.52 (Fedora) <cr><lf>Last-Modified: Tue, 1 June 2014 18:27:46 GMT<cr><lf>ETag: "526c3-f22-88a4c80"<cr><lf>Accept-Ranges: bytes<cr><lf>Content-Length: 8347<cr><lf>Keep-Alive: timeout=max=100<cr><lf>Connection: KeepAlive<cr><lf>Content-Type: text/html; charset=ISO-88591<cr><lf><cr><lf><!doctype html public "-//w3c//dtd html 4.0 transitional//en"><lf><html><lf><head><lf><meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=iso-8859-1"><lf><meta name="GENERATOR" content="Mozilla/4.79 [en] (Windows NT 5.0; U) Netscape]"><lf><title>Test page</title><lf></head><lf>** ……  7 bytes đầu tiên trang web trả về cho trình duyệt là?  A. <!docty  B. <meta  C. HTTP/1.  D. text/ht |

Đáp án: C

Đoạn mã trên là thông điệp trang web trả về trình duyệt.

Với mỗi byte là một ký tự.

7 byte đầu tiền => 7 ký tự đầu tiên.